

Số: 02/2022/QĐST-KDTM

Việt Trì, ngày 23 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2022/TLST-KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số a L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân, theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Triệu Th, chức vụ: cán bộ xử lý nợ, theo giấy ủy quyền số 3301/2021/UQ-VPB ngày 17/11/2021

Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số b, phố T, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chung T, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Chung T, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981.

Đều có địa chỉ: Khu P, xã C, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V xác nhận ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: 211220-3523644-01-SME ngày 22/12/2020; và 11 kế ước nhận nợ gồm: Kế ước nhận nợ số: 241220-3523644-01-SME ngày

24/12/2020; Khế ước nhận nợ số: 220121-3523644-01-SME ngày 22/01/2021; Khế ước nhận nợ số: 260221-3523644-01-SME ngày 26/02/2021; Khế ước nhận nợ số: 140421-3523644-01-SME ngày 14/04/2021; Khế ước nhận nợ số: 120421-3523644-01-SME ngày 12/04/2021; Khế ước nhận nợ số: 220321-3523644-01-SME ngày 22/03/2021; Khế ước nhận nợ số: 270121-3523644-01-SME ngày 27/01/2021; Khế ước nhận nợ số: 270121-3523644-01-SME ngày 27/01/2021; Khế ước nhận nợ số: 170321-3523644-01-SME ngày 17/03/2021; Khế ước nhận nợ số: 310321-3523644-01-SME ngày 31/03/2021; Khế ước nhận nợ số: 250121-3523644-01-SME ngày 25/01/2021 và ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-529005 ngày 25/12/2018.

Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HT và 02/HĐBL/VPBANK-HT ngày 22/12/2020 bên bảo lãnh là ông Nguyễn Chung T và bà Nguyễn Thị Thu H đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: 211220-3523644-01-SME ngày 22/12/2020; giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-529005 ngày 25/12/2018; ký giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

2.2. Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tính đến hết ngày 16/02/2022 số tiền là **2.450.123.953 đồng** (*Hai tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi ba đồng*). Trong đó: dư nợ gốc và nợ gốc thẻ là 2.001.833.618 đồng (*Hai tỷ, không trăm linh một triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm mười tám đồng*); lãi phải trả khoản vay và khoản thẻ là: 426.846.397 đồng (*Bốn trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng*); và phạt chậm trả khoản vay là: 21.443.938 đồng (*Hai mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 17/02/2022 Công ty TNHH T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi xuất đã thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 211220-3523644-01-SME ngày 22/12/2020 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-529005 ngày 25/12/2018 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay .

2.3. Trường hợp Công ty TNHH T, ông Nguyễn Chung T và bà Nguyễn Thị Thu H không thực nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Chung T và bà Nguyễn Thị Thu H theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HT và 02/HĐBL/VPBANK-HT ngày 22/12/2020 giữa ông Nguyễn Chung T và bà Nguyễn Thị Thu H với Ngân hàng TMCP V.

2.4. Về án phí: Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V 38.720.000đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số AA/2020/0009130 ngày 24/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Công ty TNHH T phải chịu 40.501.239 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm linh một nghìn, hai trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hồng Vân